

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ  
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4548 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2022

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;*

*Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;*

*Căn cứ Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án sản xuất, gia công thiết bị đầu cuối truyền thông (mở rộng, nâng công suất) do Công ty TNHH Điện tử Tongwei (Việt Nam) làm chủ đầu tư tại các thửa đất C-04, C-05 và C-06, thuộc Lô đất CN12, Khu công nghiệp An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.*

*Xét Văn bản số 186/CV ngày 18/10/2022 của Công ty TNHH Điện tử Tongwei (Việt Nam) về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 186/CV ngày 07/12/2022 của Công ty TNHH Điện tử Tongwei (Việt Nam) về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Sản xuất, gia công thiết bị đầu cuối truyền thông” – giai đoạn 1 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.*



## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Điện tử Tongwei (Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Sản xuất, gia công thiết bị đầu cuối truyền thông” – giai đoạn 1 tại Thửa đất C-04, C-05 và C-06 thuộc lô đất CN12, Khu công nghiệp An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Sản xuất, gia công thiết bị đầu cuối truyền thông” – giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Các thửa đất C-04, C-05 và C-06 thuộc lô đất CN12, Khu công nghiệp An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 5425229284 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 18/6/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 0202055026 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 09/11/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/01/2021.

1.4. Mã số thuế: 0202055026

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công thiết bị đầu cuối mạng và truyền thông.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 88.690,39m<sup>2</sup>

- Quy mô, công suất:

+ VDSL : 1.500.000 bộ/năm ~ 1.300 tấn/năm;

+ SWITCH : 1.500.000 bộ/năm ~ 7.500 tấn/năm;

+ PON : 4.700.000 bộ/năm ~ 3.650 tấn/năm;

+ Cable Modem : 4.800.000 bộ/năm ~ 4.300 tấn/năm;

+ AP : 5.000.000 bộ/năm ~ 3.750 tấn/năm.

### 2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Điện tử Tongwei (Việt Nam):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Điện tử Tongwei (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm

(từ ngày 13 tháng 12 năm 2022 đến ngày 13 tháng 12 năm 2029).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *ny*

**Nơi nhận:**

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND: xã Hồng Phong, huyện An Dương;
- Công ty TNHH Điện tử Tongwei (Việt Nam);
- Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt;
- Các Phòng: QHXD, QLĐT, HTGS, VPDD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VP, P.TNMT/BQL. *ny*

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bùi Ngọc Hải**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số. 4548./GPMT-BQL ngày 13. tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Dương, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Điện tử Tongwei (Việt Nam) đã ký Thỏa thuận cho thuê lại quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng khu công nghiệp An Dương ngày 01/02/2021 với Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt (Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Dương).

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại; nước thải tại khu nhà bếp được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ. Toàn bộ nước thải sau đó được thu gom về các ga thoát nước thải, theo hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp, về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Dương.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải các khu vệ sinh (tại xưởng 1 và khu nhà rác) → bể tự hoại → ga thoát nước số 1 (điểm xả 1) → hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp An Dương.

+ Nước thải từ nhà bếp, các khu vệ sinh (tại nhà ăn và nhà kho số 1) → bể tách mỡ, bể tách mỡ → ga thoát nước số 2 (điểm xả 2) → hệ thống dẫn nước thải chung của khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp An Dương.

- Công suất thiết kế:

+ 06 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 144,24 m<sup>3</sup> (03 bể tại nhà xưởng 1, dung tích 23,86 m<sup>3</sup>/bể; 01 bể tại nhà rác, dung tích là 23,86 m<sup>3</sup>; 01 bể tại nhà kho số 1, dung tích 24,4 m<sup>3</sup>; 01 bể tại khu nhà ăn, dung tích 24,4 m<sup>3</sup>).

+ 01 bể tách mỡ, dung tích 5m<sup>3</sup>.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại hố gom số 1 trước khi thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN tại các thửa đất C-04, C-05 và C-06 thuộc lô đất CN12, Khu công nghiệp An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2310776.847; Y(m) = 584283.291 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°).

+ 01 vị trí tại hố ga tại hố gom số 2 trước khi thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN tại các thửa đất C-04, C-05 và C-06 thuộc lô đất CN12, Khu công nghiệp An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2310865.758; Y(m) = 584203.163 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: tuân thủ theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp An Dương.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý: 05 lần lấy mẫu nước thải đầu ra (mỗi lần 02 mẫu tại 02 vị trí của các hố ga thu gom số 1, số 2 trước khi

thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN An Dương), tần suất 15 ngày/lần.

+ Giai đoạn hệ thống hoạt động ổn định: 14 mẫu nước thải đầu ra (07 lần lấy mẫu, mỗi lần 02 mẫu tại 02 vị trí của các hố ga thu gom số 1, số 2 trước khi thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN An Dương) trong 07 ngày liên tiếp.

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp An Dương, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp An Dương để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày ... tháng 12 năm 2022  
của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn thải số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ 06 máy hàn đối lưu, 05 máy hàn sóng, 03 máy rửa khuôn hàn sóng, 01 máy vệ sinh lưới thép và các vị trí hàn thủ công (hàn bù, sửa chữa);

- Nguồn thải số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ 06 máy hàn đối lưu, 05 máy hàn sóng, hàn thủ công (hàn bù trong chuyên hàn sóng), 02 máy cắt bản mạch.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Nguồn thải số 1: Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải số 1; Tọa độ: (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°): X (m) = 2310933; Y (m) = 583983;

- Nguồn thải số 2: Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải số 2; Tọa độ: (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°): X (m) = 2311003; Y (m) = 584000.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

+ Nguồn số 1: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 32.000 m<sup>3</sup>/h;

+ Nguồn số 2: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 32.000 m<sup>3</sup>/h.

2.3 Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải khí.

2.4 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) ( $C_{max} = C \times K_p \times K_v$  với hệ số  $K_p = 0,9$ ;  $K_v = 1$ ) cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	32.000	6 tháng/lần	Không thuộc

2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180	đối tượng phải quan trắc tự động bụi, khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900	
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765	

*\*Ghi chú: Đối với các thông số (hơi Flux và hơi Sn) mà chưa có đơn vị quan trắc môi trường nào được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Vimcerts hoặc các chỉ tiêu chưa có tiêu chuẩn so sánh thì tạm thời Công ty chưa thực hiện, sau khi có đơn vị có năng lực quan trắc hoặc có tiêu chuẩn so sánh thì Công ty cam kết thực hiện giám sát theo quy định.*

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ 06 máy hàn đối lưu, 05 máy hàn sóng, 03 máy rửa khuôn hàn sóng, 01 máy vệ sinh lưới thép và các vị trí hàn thủ công (hàn bù, sửa chữa) được thu gom vào hệ thống xử lý bụi, khí thải số 1 và thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải từ 06 máy hàn đối lưu, 05 máy hàn sóng, hàn thủ công (hàn bù trong chuyên hàn sóng), 02 máy cắt bản mạch được thu gom vào hệ thống thu gom xử lý bụi, khí thải số 2 và thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Tóm tắt quy trình công nghệ của từng hệ thống xử lý:

- Hệ thống 1: Khí thải tại 06 máy hàn đối lưu, 05 máy hàn sóng, 03 máy rửa khuôn hàn sóng, 01 máy vệ sinh lưới thép và các vị trí hàn thủ công (hàn bù, sửa chữa) → Các đường ống thu gom → Hệ thống xử lý khí thải có tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí. Công suất: 32.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hệ thống 2: 06 máy hàn đối lưu, 05 máy hàn sóng, hàn thủ công (hàn bù trong chuyên hàn sóng), 02 máy cắt bản mạch → Các đường ống thu gom → Hệ thống xử lý khí thải có tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí. Công suất: 32.000 m<sup>3</sup>/h.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:



- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu đầu ra của hệ thống xử lý bụi, khí thải số 1 tại 06 máy hàn đối lưu, 05 máy hàn sóng, 03 máy rửa khuôn hàn sóng, 01 máy vệ sinh lưới thép và các vị trí hàn thủ công (hàn bù, sửa chữa); Tọa độ: X (m) = 2310933; Y (m) = 583983 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ );

- 01 mẫu đầu ra của hệ thống xử lý bụi, khí thải số 2 tại 06 máy hàn đối lưu, 05 máy hàn sóng, hàn thủ công (hàn bù trong chuyên hàn sóng), 02 máy cắt bản mạch; Tọa độ: X (m) = 2311003; Y (m) = 584000 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	$m^3/h$	32.000
2	Bụi	$mg/Nm^3$	180
3	CO	$mg/Nm^3$	900
4	NO <sub>x</sub>	$mg/Nm^3$	765

\*Ghi chú: Đối với các thông số (hơi Flux và hơi Sn) mà chưa có đơn vị quan trắc môi trường nào được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Vimcerts hoặc các chỉ tiêu chưa có tiêu chuẩn so sánh thì tạm thời Công ty chưa thực hiện, sau khi có đơn vị có năng lực quan trắc hoặc có tiêu chuẩn so sánh thì Công ty cam kết thực hiện giám sát theo quy định.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý: 05 lần lấy mẫu khí thải đầu ra, tần suất 15 ngày/lần;

- Giai đoạn hệ thống hoạt động ổn định: 07 mẫu khí thải đầu ra, trong 7 ngày liên tiếp.

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .#5.4.8.../GPMT-BQL ngày .13... tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của hệ thống máy móc, thiết bị của Dự án gồm: khu vực máy nén khí, hệ thống điều hòa trung tâm, máy phát điện, máy cắt bản mạch tự động.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

+ Nguồn số 1: Khu vực máy nén khí, hệ thống điều hòa trung tâm; Toạ độ: X (m) = 2310871.976; Y (m) = 584091.931;

+ Nguồn số 2: Khu vực máy phát điện; Toạ độ: X (m) = 2310899.735; Y (m) = 584012.598;

+ Nguồn số 3: Khu vực máy cắt bản mạch tự động; Toạ độ: X (m) = 2310945.350; Y (m) = 583971.703.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...4548.../GPMT-BQL ngày ...13... tháng 12 năm 2022*  
*của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	2.562,05	18 01 02
	Bao bì cứng thải bằng nhựa		18 01 03
2	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải	541	19 02 06
3	Ghế lau, găng tay chứa thành phần nguy hại, vật liệu lọc chứa thành phần nguy hại	750	18 02 01
4	Than hoạt tính thải	1.648,48	12 01 04
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	100	17 02 03
6	Dung dịch làm sạch T4 làm sạch lưới thép	10.080	03 01 03
7	Dung dịch chất làm sạch khuôn hàn sóng sau sử dụng	3.290	
8	Pin, ắc quy thải	5	16 01 12
9	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	7,5	16 01 06
	<b>Tổng</b>	<b>18.984</b>	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (vỏ bao bì carton, nilong, đầu mẫu kim loại, vỏ chip IC, ...): 609,72 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 700 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 40 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông gạch vỡ để chống thấm, đặt pallet chống tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: diện tích 122 m<sup>2</sup> (nằm trong nhà rác, tổng diện tích 240 m<sup>2</sup>).

- Thiết kế, cấu tạo: Công trình 1 tầng; cao 5m. Kết cấu: Khung thép, mái lợp tôn, tường bao che bên ngoài xây gạch. Khu vực chứa chất thải thông thường đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa có nắp đậy dung tích 50 - 100 lít/thùng.

- Khu vực lưu chứa: diện tích 31 m<sup>2</sup> (nằm trong nhà rác, tổng diện tích 240 m<sup>2</sup>).

- Thiết kế, cấu tạo: Công trình 1 tầng; cao 5m. Kết cấu: Khung thép, mái lợp tôn, tường bao che bên ngoài xây gạch. Khu vực chứa chất thải sinh hoạt đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4548/GPMT-BQL ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.

---